Biểu mẫu 09

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	...
I	Điều kiện tuyển sinh	TỐT	TỐT	TỐT	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Cơ bản	Cơ bản	Cơ bản	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	TỐT	TỐT	TỐT	
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	TỐT	TỐT	TỐT	
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	TỐT	TỐT	TỐT	
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	TỐT	TỐT	TỐT	
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	TỐT	TỐT	TỐT	

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2020

Hiệu trưởng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRUNG GIÃ

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Hiền

Mẫu số 10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**1365**	**538**	**542**	**413**	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**1321**	522	526	412	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**38**	16	15	1	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**01**	0	0	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1365**	**538**	**414**	**413**	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**391**	111	156	179	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**837**	305	332	225	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**144**	121	53	9	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**01**	01	1	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1365**	**538**	**542**	**413**	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**1363**	537	541	413	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**390**	111	156	179	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	**826**	305	331	225	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	**01**	0	01	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	38/34	11/8	0	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	**01**	01	0	0	
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi**	**10**	0	0		

	học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	**10**	0	0		
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	**0**	0	0	0	
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**413**	0	0	**413**	
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**421**	0	0	421	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập** (tỷ lệ so với tổng số)		0	0		
VII I	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập** (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**576/ 917**	228/ 310	188/ 354	160/ 253	
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**0**	0	0	0	

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2020

Hiệu trưởng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRUNG GIÃ

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Hiền

Biểu mẫu 11

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	23	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**	23	0.91
1	Phòng học kiên cố	20	0.91
2	Phòng học bán kiên cố	03	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	0.34
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	0.05
7	Bình quân lớp/phòng học	1.62	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	16.663	12.2
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	8.101	7.44
VI	**Tổng diện tích các phòng**	2828	2.07
1	Diện tích phòng học (m^2)	1472	1.07
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	320	0.23
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	90	0.066
3	Diện tích thư viện (m^2)	96	0.07
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	850	0.622
5	Diện tích phòng khác (….)(m^2)		
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**366**	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	**123**	**10.25**
2	Khối lớp 11	**145**	**14.5**
3	Khối lớp 12	**98**	**9.8**
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	**1500**	**1.1**
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ 27.3

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	17	0.5
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	07	0.2
5	Thiết bị khác…		
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	**0**
XI	**Nhà ăn**	**0**

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0	0	0
XIII	**Khu nội trú**	0	0	0

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		12		0.22
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

*(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XVII	**Kết nối internet (ADSL)**	X	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	X	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2020

Hiệu trưởng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRUNG GIÃ

Nguyễn Duy Hiền

Biểu mẫu 12

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	70													
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	57													
1	Toán	8		3	5				8			8			
2	Lý	7		1	6				7			7			
3	Hóa	5			5				5			5			
4	Sinh	3		2	1				3			3			
5	Văn	8		2	6				8			8			
6	Địa	3		2	1				3			3			
7	Sử	4			4				4			4			
8	GDCD	2			2				2			2			
9	QP	1			1				1			1			
10	TD	3			3				3			3			
11	CN	1			1				1			1			
12	NN	1		1					1			1			
13	Tin	4		1	3				4			4			
14	Anh	7			7				7			7			
II	**Cán bộ quản lý**	3													
1	Hiệu trưởng	1		1					1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2			2			
III	**Nhân viên**	10													
1	NV văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										

3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện	1					1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1											
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật															
8	Nhân viên công nghệ thông tin															
9	NV lao công	1						1								
10	Nhân viên Bảo vệ	4						4								

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2020

Hiệu trưởng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRUNG GIÃ

Nguyễn Duy Hiền

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Đối với các cơ sở giáo dục công lập

1 . Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Năm học 2019-2020 trường THPT Trung Giã đã công khai các khoản thu chi tài chính gồm các nội dung sau:

- Công khai thu học phí và các khoản thu khác *(Kèm theo biên bản họp phối hợp giữa ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp với nhà trường ngày 17 tháng 8 năm 2019)*
- Công khai quyết toán thu chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm 2019

  (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2019

  (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý II, 6 tháng đầu năm 2019

  (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2019

  (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)
- Công khai thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2019-2020 *(dán công khai tại phòng hội đồng nhà trường từ ngày 22 tháng 10 năm 2019 đến ngày 22 tháng 01 năm 2020)*
- Công khai giảm trừ dự toán ngân sách năm 2019 *(công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)*
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2019

  (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2019 *(công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)*

- Công khai dự toán ngân sách năm 2020 *(công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)*

- Công khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2019-2020 *(dán công khai tại phòng hội đồng nhà trường từ ngày 03 tháng 2 năm 2020 đến ngày 02 tháng 5 năm 2020)*

- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2020 *(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)*

- Công khai quyết toán thu chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm 2019 *(Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)*

- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2020 *(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)*

2- Công khai dự kiến thu học phí và các khoản thu khác của năm học 2020-2021:

a- Thu theo quy định

*** Học phí:**

- Mức thu: Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo theo Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015.

*** BHYT**: Thực hiện thu theo văn bản quy định.

b- Thu thoả thuận

*** Tiền học thêm:** Thu 7.000đ/học sinh/1tiết dạy (theo quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

*** Tiền nước uống**: Thu 11.000đ/học sinh (thu 9 tháng) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

c- Thu khác

*** Bảo hiểm thân thể:**

Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

*** Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:** Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

3- Dự kiến mức thu học phí và các khoản thu khác của 2 năm học tiếp theo (năm học 2021-2022, năm học 2022-2023)

a- Thu theo quy định

*** Học phí**

- Mức thu: thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo theo Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015.

*** BHYT**: Thực hiện thu theo văn bản quy định.

b- Thu thoả thuận

*** Tiền học thêm:** Thu 7000đ/học sinh/1tiết dạy

(Theo quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

*** Tiền nước uống**: Thu 11.000đ/học sinh (thu 9 tháng) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội

c- Thu khác

*** Bảo hiểm thân thể:**

Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

*** Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:** Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần tự nguyện, cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

4 - Các khoản chi của năm học 2019-2020:

- Chi lương, BHXH: 7.173.945.600đồng

- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 1.500.000.000 đồng

- Chi Thu nhập hàng tháng của giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý:

+ Thu nhập hàng tháng của giáo viên và nhân viên: Mức thu nhập bình quân:5.500.000đ/tháng, mức cao nhất:11.000.000đ, mức thấp nhất: 2.500.000đ.

- Mức chi thường xuyên/1học sinh: 7.300.000đ/học sinh/năm

- Chi đầu tư, xây dựng, sửa chữa: 2.380.000.000 đồng

5 - Chính sách và kết quả thực hiện hàng năm: Về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội cụ thể như sau:

- Học kỳ I năm học 2019-2020:

+ Về trợ cấp: Thực hiện theo quyết định số: 266/QĐ-THPT ngày 21 tháng 10 năm 2019 của hiệu trưởng trường THPT Trung Giã, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập cho 37 em thuộc hộ nghèo, 01 em mồ côi cả cha lẫn mẹ.

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Thực hiện quyết định số 266/QĐ-THPT ngày 21 tháng 10 năm 2019 của hiệu trưởng trường THPT Trung Giã, nhà trường đã miễn học phí cho 37 em thuộc diện hộ nghèo, 02 em là con thương binh, 01 em con mồ côi cả cha lẫn mẹ; Giảm 50% học phí cho 71 em thuộc hộ cận nghèo và bố mất sức lao động.

- Học kỳ II năm học 2019-2020:

+ Về trợ cấp: Thực hiện theo quyết định số: 25/QĐ-THPT ngày 03 tháng 02 năm 2020 của hiệu trưởng trường THPT Trung Giã, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập cho 21 em thuộc hộ nghèo, 01 em mồ côi cả cha lẫn mẹ.

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Thực hiện quyết định số: 25/QĐ-THPT ngày 03 tháng 02 năm 2020 của hiệu trưởng trường THPT Trung Giã, nhà trường đã miễn học phí cho 21 em thuộc diện hộ nghèo, 02 em là con bệnh binh, 01 em con mồ côi cả cha lẫn mẹ; Giảm 50% học phí cho 48 em thuộc hộ cận nghèo.

6 - Kết quả kiểm toán (nếu có): Không

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2020

Hiệu trưởng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRUNG GIÃ

Nguyễn Duy Hiền